

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 290A/2024/DS-PT

Ngày: 20/5/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Vũ Duy Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 145/2023/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1203/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị Hồng H, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Số C F, khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Trần Hồng H1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Phạm Quang H2, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Hồng H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 4 năm 2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị L cũng như người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Phan Thị Hồng H trình bày:

Vào ngày 02/12/2022, bà Trần Thị L có cho bà Trần Hồng H1 vay số tiền 550.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả nợ vay là 05 tháng, tính từ ngày 02/12/2022. Sau 05 tháng, bà H1 sẽ trả gốc và trả lãi cho bà L. Ngoài ra, cũng trong ngày 02/12/2022, bà Trần Thị L có cho bà H1 vay tiền lần hai với số tiền là 200.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả nợ vay là 04 tháng, tính từ ngày 02/12/2022. Sau 04 tháng, bà H1 sẽ trả gốc và trả lãi cho bà L.

Ngày 17/12/2022, bà Trần Thị L có cho bà H1 vay số tiền là 150.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả nợ vay là 03 tháng, tính từ ngày 17/12/2022. Sau 03 tháng, bà H1 sẽ trả gốc và trả lãi cho bà L.

Như vậy, tổng cộng ba lần vay, bà Trần Hồng H1 đã vay của bà Trần Thị L tổng cộng số tiền gốc là 900.000.000 đồng. Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bà Trần Hồng H1 không trả gốc và cũng không trả lãi cho bà L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Phan Thị Hồng H có yêu cầu thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử buộc bị đơn Trần Hồng H1 phải hoàn trả cho bà Trần Thị L số tiền như sau:

Số tiền gốc 900.000.000 đồng, yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 26/4/2023 (Ngày nộp đơn khởi kiện) đến ngày 19/12/2023, với thời gian tính lãi là 07 tháng 23 ngày, lãi suất là 0,83%/tháng, tuy nhiên bên nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi là 07 tháng 15 ngày, với số tiền lãi được tính là: 56.025.000 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi bên nguyên đơn Trần Thị L yêu cầu bị đơn Trần Hồng H1 phải có nghĩa vụ hoàn trả là 956.025.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 30/10/2023, trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trần Hồng H1 cũng như người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Phạm Quang H2 trình bày:

Vào năm 2020, bà Trần Hồng H1 có vay của bà Trần Thị L nhiều lần với tổng cộng số tiền vay là 900.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 30.000.000 đồng/tháng. Để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay, bà H1 có nhờ bà Giả Thị H3 (Mẹ ruột của bà H1) thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà L đối với thửa đất số 174, tờ 11, diện tích 448,3 m², tọa lạc tại xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre với số tiền là 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H3 không có nhận tiền chuyển nhượng mà hai bên thỏa thuận, khi nào bà H1 trả tiền gốc số tiền gốc vay 900.000.000 đồng cho bà L; Bà L sẽ chuyển nhượng lại cho bà H3 quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 174, tờ 11, diện tích 448,3 m², tọa lạc tại xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bên nguyên đơn Trần Thị L yêu cầu bên bị đơn Trần Hồng H1 phải có nghĩa vụ hoàn trả tổng cộng số tiền đã vay là 900.000.000 đồng. Bên bị đơn Trần Hồng H1 đồng ý hoàn trả. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đang thụ lý, giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp đồng thuê nhà và đất” giữa bà Trần Thị L với bà Trần Hồng H1 theo hồ sơ vụ án thụ lý số: 76/TB-TLVA ngày 30/3/2023. Vụ án “Tranh chấp hợp đồng thuê nhà và đất” giữa bà Trần Thị L với bà Trần Hồng H1 và vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa bà Trần Thị L với bà Trần Hồng H1 cùng quan hệ và đối tượng tranh chấp. Bên bị đơn Trần Hồng H1 đồng ý trả số tiền gốc vay là 900.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện đến ngày Tòa án tuyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, bên bị đơn Trần Hồng H1 yêu cầu đưa bà Giả Thị H3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đồng thời, vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và vụ án “Tranh chấp hợp đồng thuê nhà và đất” giữa bà Trần Thị L với bà Trần Hồng H1 có cùng nguyên đơn, bị đơn, do đó yêu cầu nhập 02 vụ án lại giải quyết. Ngoài ra, yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Giả Thị H3 với bà Trần Thị L đối với thửa đất số 174, tờ bản đồ số 11, diện tích 448,3 m², tọa lạc tại xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 145/2023/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với bà Trần Hồng H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Hồng H1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị L số tiền vay còn thiếu là 956.025.000 đồng (Chín trăm năm mươi sáu triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Trong đó, tiền gốc vay là 900.000.000 đồng, tiền lãi là 56.025.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/12/2023 người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Trần Hồng H1 kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 145/2023/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại: Yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 145/2023/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, trả hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Bình Đại giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý kháng cáo của phía bị đơn. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cho rằng Bản án sơ thẩm số 145/2023/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Cụ thể: là không nhập vụ án tranh chấp hợp đồng vay và vụ án tranh chấp hợp đồng thuê nhà đất để giải quyết trong khi cùng nguyên đơn là bà L, bị đơn là bà H1 và có liên quan nhau về nội dung; Không đưa bà Giả Thị H3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong khi Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H3 và bà L là giả tạo nhằm đảm bảo cho việc thực hiện Hợp đồng vay tiền giữa bà L và bà H1, nếu không nhập vụ án, không đưa bà Giả Thị H3 vào tham gia tố tụng thì không thể giải quyết toàn diện vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Toà án áp dụng khoản 1 Điều 308, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà H1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 145/2023/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Hồng H1; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Vào ngày 02/12/2022 và ngày 17/12/2022, bà Trần Thị L có cho bà Trần Hồng H1 vay tổng cộng 03 lần với tổng số tiền là 900.000.000 đồng. Việc cho vay tiền của hai bên có làm biên nhận, có thỏa thuận lãi suất và thời gian trả tiền nhưng bà L không trả tiền cho bà H1 theo thỏa thuận. Bà L căn cứ vào các giấy vay tiền có xác nhận của bà H1 để yêu cầu bà H1 phải có nghĩa vụ hoàn trả số tiền gốc và lãi là 956.025.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Hồng H1 thừa nhận có vay bà Trần Thị L nhiều lần tiền với số tiền vay gốc tổng cộng là 900.000.000 đồng và cho rằng việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn được thực hiện vào năm 2020. Thời điểm vay tiền hai bên không có lập biên nhận. Bà H1 có đóng lãi cho bà L đầy đủ 30.000.000 đồng/tháng từ khi vay đến tháng 4/2022. Năm 2022, bà L mới lập các biên biên nhận (các Biên nhận ngày 02/12/2022, ngày 17/12/2022) ép bà H1 ký; Bà L còn đề nghị bà Giả Thị H3 là mẹ ruột của bà H1 ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà H3 cho bà L nhằm đảm bảo cho việc thực hiện Hợp đồng vay tiền giữa bà L và bà H1, khi nào bà H1 trả đủ tiền vay bà L sẽ sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại cho bà H3 nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L về việc yêu cầu bà Trần Hồng H1 phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền đã vay là 900.000.000 đồng, và tiền lãi của số tiền 900.000.000 đồng tính từ ngày nộp đơn khởi kiện 26/4/2023 đến ngày xét xử 19/12/2023 (yêu cầu trả tiền lãi với thời gian 7 tháng 15 ngày) với mức lãi suất 0,83%/tháng thành tiền lãi là 56.025.000 đồng là có cơ sở, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu đưa bà Giả Thị H3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, thấy rằng:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải hoàn trả lại số tiền vốn vay là 900.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Trong giấy nhận nợ không có chữ ký, chữ viết của bà Giả Thị H3, đồng thời bên nguyên đơn cũng không yêu cầu bà H3 phải có nghĩa vụ liên đới với bà H1 trả nợ cho bà L. Việc vay tiền là bà H1 ký kết với bà L, trong khi đó

việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là do bà H3 ký chuyển nhượng cho bà L, do đó không cùng chủ thể ký kết. Vì vậy, không có căn cứ để xác định bà Giả Thị H3 có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa bà L và bà H1. Do đó, cấp sơ thẩm không đưa bà Giả Thị H3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có căn cứ.

[3] Ngày 27/11/2023 Tòa án nhân dân huyện Bình Đại có tiếp nhận đơn của bà Giả Thị H3 nội dung đề nghị Tòa án huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Giả Thị H3 với bà Trần Thị L nhưng không có văn bản xử lý đối với đơn nói trên của bà H3 là chưa đúng với quy định tại Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự, sai sót này cấp Sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, như đã phân tích ở phần trên và căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng bà H3 không tham gia vào giao dịch vay tiền giữa bà L và bà H1, không có văn bản thể hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất này là đảm bảo cho khoản vay của bà H1, các biên nhận, hợp đồng chuyển nhượng đều không có bút tích của bà H3. Việc bà H3, bà H1 trình bày cũng không được bà L thừa nhận. Do đó có căn cứ xác định bà H3 không có liên quan đến tranh chấp hợp đồng vay giữa bà L và bà H1, việc giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay cũng không có liên quan, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự trong vụ án khác nên không có căn cứ huỷ án theo yêu cầu của bị đơn.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Hồng H1 phải chịu án phí theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Hồng H1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 145/2023/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Căn cứ các điều 280, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Các điều 26, 35, 39, 92, 147, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng

án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L đối với bà Trần Hồng H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Hồng H1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị L số tiền vay còn thiếu là 956.025.000 đồng (Chín trăm năm mươi sáu triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Trong đó, tiền gốc vay là 900.000.000 đồng (Chín trăm triệu đồng), tiền lãi là 56.025.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Hồng H1 phải nộp là 40.681.000 đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm tám mươi một nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Trần Hồng H1 phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000712 ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 20.396.400 đồng (Hai mươi triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007461 ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Bình Đại;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Rễn